ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN

NĂM 2021

(Kem theo QĐ số:……../QĐ-ĐHSP ngày .....tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP)

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 1 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
1	DTS185D140201040	Bế Hoàng Linh	894,000	GD Mầm non K53	GDMN	
2	DTS185D140201048	Lục Thị Minh	894,000	GD Mầm non K53	GDMN	
3	DTS185D140201073	Lường Thị Thầm	894,000	GD Mầm non K53	GDMN	
4	DTS185D140201060	Nông Thị Yến Như	894,000	GD Mầm non K53	GDMN	
5	DTS195D140201010	Trần Thị Chuyên	894,000	GD Mầm non K54	GDMN	
6	DTS195D140201032	Dương Thị Kim	894,000	GD Mầm non K54	GDMN	
7	DTS195D140201001	Bùi Thị Ngọc Anh	894,000	GD Mầm non K54	GDMN	
8	DTS195D140201014	Ma Thị Duyên	894,000	GD Mầm non K54	GDMN	
9	DTS195D140201019	Tòng Thị Hằng	894,000	GD Mầm non K54	GDMN	
10	DTS195D140201029	Lục Thị Thanh Huyền	894,000	GD Mầm non K54	GDMN	
11	DTS195D140201044	Nông Thị Ngân	894,000	GD Mầm non K54	GDMN	
12	DTS195D140201056	Nông Thị Phượng	894,000	GD Mầm non K54	GDMN	
13	DTS205D140201003	Vừ Thị Cho	894,000	GD Mầm non K55	GDMN	
14	DTS205D140201055	Hoàng Thị Thu Huyền	894,000	GD Mầm non K55	GDMN	
15	DTS205D140201091	Bạc Thị Hương Quỳnh	894,000	GD Mầm non K55	GDMN	
16	DTS205D140201097	Hù Cố Si	894,000	GD Mầm non K55	GDMN	
17	DTS205D140201099	Lò Thị Sum	894,000	GD Mầm non K55	GDMN	
18	DTS205D140201018	Đàm Thị Ánh	894,000	GD Mầm non K55	GDMN	
19	DTS205D140201048	Bàn Thị Thanh Hương	894,000	GD Mầm non K55	GDMN	
20	DTS205D140201060	Điêu Thị Lê	894,000	GD Mầm non K55	GDMN	
21	DTS205D140201073	Mào Thị Nga	894,000	GD Mầm non K55	GDMN	
22	DTS205D140201082	Mông Thị Hồng Nhung	894,000	GD Mầm non K55	GDMN	
23	DTS205D140201078	Nông Thị Hồng Ngọc	894,000	GD Mầm non K55	GDMN	
24	DTS205D140201089	Lý Bích Phượng	894,000	GD Mầm non K55	GDMN	
25	DTS205D140201115	Hoàng Thủy Tiên	894,000	GD Mầm non K55	GDMN	
26	DTS185D140231036	Tăng Phương Thảo	894,000	T. Anh K53	BM Ngoại ngữ	
27	DTS195D140231068	Lưu Thị Liên	894,000	T. Anh K54	BM ngoại ngữ	
28	DTS195D140231041	Quàng Thị Thủy	894,000	T. Anh K54	BM ngoại ngữ	
29	DTS195D140231048	Hạng Thị Xuân	894,000	T. Anh K54	BM ngoại ngữ	
30	DTS195D140231063	Giàng Thị Hoài Thu	894,000	T. Anh K54	BM ngoại ngữ	
31	DTS185D140231056	Bùi Thị Kim Vân	894,000	T. Anh K53	BM Ngoại ngữ	
32	DTS185D140217032	Hứa Thị Huyền Mỹ	894,000	Văn K53	Ngữ văn	
33	DTS195D140217008	Ma Thị Đàm	894,000	Văn K54	Ngữ văn	
34	DTS195D140217011	Hà Thị Mai Giang	894,000	Văn K54	Ngữ văn	
35	DTS195D140217045	Lò Trung Thực	894,000	Văn K54	Ngữ văn	
36	DTS205D140217067	Nông Thị Vân	894,000	Văn K55	Ngữ văn	
37	DTS205D140217044	Nông Thị Như	894,000	Văn K55	Ngữ văn	
38	DTS205D140217017	Nguyễn Lương Hương Giang	894,000	Văn K55	Ngữ văn	
39	DTS205D140217026	Ma Thị Thu Hường	894,000	Văn K55	Ngữ văn	
40	DTS205D140210004	Nguyễn Bảo Yến	894,000	Tin K55	Toán	
41	DTS205D140210003	Triệu Thị Thủy	894,000	Tin K55	Toán	
42	DTS195D140209067	Nông Thị Tuyến	894,000	Toán K54	Toán	
43	DTS205D140206025	Lương Hà Ngọc Thảo	894,000	TDTT K55	TDTT	
44	DTS195D140212001	Ma Thị Bình	894,000	Hóa K54	Hóa học	
45	DTS195D140218021	Lương Thị Hồng Tươi	894,000	Sử K54	Lịch Sử	

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 1 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
46	DTS195D140219014	Triệu Thị Thanh Thúy	894,000	Địa K54	Đía lý	
47	DTS195D140219006	Triệu Thu Huyền	894,000	Địa K54	Đía lý	
48	DTS205D140219018	Nịnh Hồng Nhung	894,000	Địa K55	Đía lý	
49	DTS205D140219020	Phan Thị Nhung	894,000	Địa K55	Đía lý	
50	DTS185D140101005	Đặng Quý Tiến	894,000	TLK53	Tâm Lý GD	
51	DTS195D310403002	Nông Thị Giai Ngọc	894,000	TLK54	Tâm Lý GD	
52	DTS185D140202103	Vũ Thị Minh Thúy	894,000	TH53A	GD Tiểu học	
53	DTS185D140202133	Lường Thị Minh Hà	894,000	TH53B	GD Tiểu học	
54	DTS185D140202054	Bàn Thị Lành	894,000	TH53B	GD Tiểu học	
55	DTS185D140202119	Bàn Thị Vượng	894,000	TH53B	GD Tiểu học	
56	DTS185D140202089	Nông Thị Tấm	894,000	TH53B	GD Tiểu học	
57	DTS185D140202088	Vi Thị Tâm	894,000	TH53B	GD Tiểu học	
58	DTS185D140202048	Dương Thị Hương	894,000	TH53B	GD Tiểu học	
59	DTS185D140202028	Lý Thị Thanh Hiền	894,000	TH-TA53	GD Tiểu học	
60	DTS205D140202034	Lò Thị Biên	894,000	TH55A	GD Tiểu học	
61	DTS205D140202081	Triệu Cẩm Linh	894,000	TH55A	GD Tiểu học	
62	DTS205D140202006	Lý Thi Thu Hiền	894,000	TH55B	GD Tiểu học	
63	DTS205D140202074	Triệu Thị Lan	894,000	TH55B	GD Tiểu học	
64	DTS205D140202095	Đàm Thị Nha	894,000	TH55B	GD Tiểu học	
65	DTS205D140202115	Triệu Thị Tàn	894,000	TH55B	GD Tiểu học	
66	DTS185D140205002	Khoàng Phì Lớ	894,000	CT53	GDCT	
67	DTS185D140205007	Lý Thị Vân	894,000	CT53	GDCT	
68	DTS195D140205009	Lý Hà Giang	894,000	CT54	GDCT	
69	DTS195D140205007	Nông Thị Kim Tuyến	894,000	CT54	GDCT	
70	DTS205D140205002	Ly A Chống	894,000	CT55	GDCT	
71	DTS205D140205008	Cút Thị Thanh Mai	894,000	CT55	GDCT	
72	DTS185D140211003	Sùng Thị Mai	894,000	LÝ53	Vật lý	
TỔNG			**64,368,000**	**x**	**x**	**x**

Ấn định danh sách: 72 Sinh viên

Thái Nguyên, ngày ... tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Văn Quang